

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4284/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Chinh

2. Bà Đinh Thị Diễm Kiều

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2809/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp người trực tiếp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7074/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Quốc T, sinh năm 1976

Căn cước công dân số: A cấp ngày 12/8/2021

Địa chỉ: số nhà I đường K, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984

Căn cước công dân số: B cấp ngày 28/02/2024

HKTT: số nhà F Đường số B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số nhà I đường K, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2023 và lời trình bày của ông Đặng Quốc T:

Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24/3/2012.

Cuộc sống chung hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều sự khác biệt dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, bất đồng ý kiến trong việc nuôi dạy, giáo dục con. Ông và bà N đã ly thân từ năm 2016 đến nay và không còn khả năng hàn gắn tình cảm xây dựng hạnh phúc gia đình nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị N.

Con chung: có hai con chung Đặng Quốc T1, sinh ngày 09/5/2012 và Đặng Khánh L, sinh ngày 14/11/2016, ông yêu cầu trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Xác nhận thời gian kết hôn và mâu thuẫn xảy ra đúng như ông T trình bày. Theo bà nguyên nhân vợ chồng bất hòa là do bà không đồng ý với cách sống không tự lập, không chủ động trong công việc của ông T. Bản thân ông T sống phụ thuộc hoàn toàn vào cha mẹ, không gánh vác trách nhiệm với gia đình và không biết thông cảm, chia sẻ khó khăn với bà nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Do thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm nên bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai người con chung đúng như ông T trình bày. Trong gia đình bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con có sự hỗ trợ từ mẹ và em chồng. Ông T không gần gũi chăm lo cho con trong học tập, sinh hoạt nên bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Đặng Quốc T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bà Nguyễn Thị N đồng ý ly hôn với ông T; Yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và thay đổi không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự, ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao hai con Đặng Quốc T1, sinh ngày 09/5/2012 và Đặng Khánh L, sinh ngày 14/11/2016 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Quốc T về việc cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: xét, ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị N có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 24/3/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của ông T và bà N xảy ra nhiều bất hòa trong thời gian dài vì vợ chồng không đồng thuận, không có sự chia sẻ, thông cảm lẫn nhau. Đến nay vợ chồng không còn gắn bó tình cảm yêu thương nên ông T và bà N thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của ông T và bà N phù hợp với các bản sao giấy khai sinh số 216 ngày 25/5/2012 và số 519 ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định ông T và bà N có hai người con chung. Ông T và bà N cùng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Bà N cho rằng bà là người chủ động chăm sóc các con, khi các con còn nhỏ có mẹ và em chồng cùng hỗ trợ chăm lo trong sinh hoạt. Ông T thừa nhận việc chăm sóc sinh hoạt cá nhân cho các con đã có em gái của ông phụ trách nên ông chỉ hỗ trợ khi cần thiết. Như vậy căn cứ lời khai của ông T có cơ sở xác định ông T không chủ động trong việc chăm lo cho các con. Đồng thời các con có lời khai thể hiện mong muốn sống chung với mẹ.

Do bà N là người chăm lo các con trong học tập, sinh hoạt nên cần giao các con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nhưng ông T xác định đây là nghĩa vụ nên tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông T là phù hợp, đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của các con trong điều kiện hiện nay nên Hội đồng xét xử công nhận.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Ông T, bà N xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con do ông tự nguyện cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị N;

Ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

2. Con chung: Giao hai con Đặng Quốc T1, sinh ngày 09/5/2012 và Đặng Khánh L, sinh ngày 14/11/2016 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Đặng Quốc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Quốc T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Quốc T không thi hành án cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên

số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Ông Đặng Quốc T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000704 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- CCTHADS TP . Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND P. Linh Chiểu...;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ